

QUYẾT ĐỊNH

Về lượng hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô năm 2026 theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lượng hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô năm 2026 theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được quy định tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **20** tháng **5** năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hải quan (Bộ Tài chính);
- UBND, SCT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị: CN, PC, TTNN, ĐB;
- Các cơ quan, tổ chức cấp C/O;
- Công Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK.

h

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG DỆT MAY ÁP DỤNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU SANG MÊ-HI-CÔ THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIỀN BỘ XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số **1157/QĐ-BCT** ngày **20** tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng
01	Sợi phân loại ở nhóm 5202 đến 5207, 5508, 5509, 5511 và vải phân loại ở Chương 60 và sản phẩm phân loại ở Chương 58, nhóm 5902 và 5910 được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu có số thứ tự 2 và 3 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT.	Kg	250.000
02	Quần áo dệt kim phân loại ở Chương 61 tại cột Yêu cầu đầu ra số thứ tự 4, 7 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu được nêu trong cột mô tả của các số trên trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT.	Chiếc	2.500.000
03	Quần áo dệt thoi phân loại ở Chương 62 tại cột Yêu cầu đầu ra tại số thứ tự 5 và 6 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam sử dụng nguyên phụ liệu được nêu tại cột mô tả của các số trên của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT.	Chiếc	750.000
04	Hàng dệt may thuộc các mã HS 6111.30, 6209.30 và tã trẻ em làm từ sợi tổng hợp thuộc mã HS 9619.	Chiếc	50.000